

Số : 2215 /SGTVT-AT&QLGT  
V/v phương án thi công, hoàn trả các  
tuyến đường Tỉnh sử dụng làm đường  
công vụ phục vụ xây dựng Cao tốc  
Bắc - Nam đoạn Cam Lộ - La Sơn

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 12 năm 2022

Kính gửi : UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-BGTVT ngày 19/6/2018 của Bộ GTVT về việc phê duyệt Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lộ - La Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020. Sở GTVT Thừa Thiên Huế đã bàn giao một số đoạn tuyến thuộc đường Tỉnh do Sở quản lý cho Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh để làm đường công vụ phục vụ dự án và thi công các điểm giao cắt của dự án (có phụ lục kèm theo). Đến nay Dự án chuẩn bị kết thúc, Sở GTVT đã phối hợp với Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh kiểm tra hiện trạng các tuyến đường để đưa ra phương án hoàn trả, kính báo cáo UBND Tỉnh như sau :

A. Các tuyến đường đã thống nhất phương án hoàn trả

1. Đường TL15 đoạn Km1+800 – Km7+808 :

Các vị trí ổ gà : Vá ổ gà bằng cấp phối đá dăm loại 1; tưới nhựa thấm bảm 1,0 kg/m<sup>2</sup>; láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn nhựa 3,0kg/m<sup>2</sup>.

Các vị trí rạn nứt mai rùa, nứt dọc : Láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn nhựa 3,0kg/m<sup>2</sup>.

2. Đường TL7 đoạn Km3+450 – Km7+650:

a. Đoạn Km3+450 – Km4+650 (từ điểm tiếp giáp đường tránh Huế đến ngã ba đường vào nhà máy xử lý rác thải, L = 1,2 Km):

Đây là đoạn tuyến có phương tiện lưu thông lớn, mật độ dân cư đông, mặt đường đã hư hỏng nặng, ổ gà nên lưu thông rất khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Phương án như sau : Thi công móng cấp phối đá dăm dày 25cm, thảm lại lớp bê tông nhựa chặt 12,5 dày 7cm

b. Đoạn Km4+650 – Km7+650, L = 3,0 Km :

Đoạn tuyến có phương tiện lưu thông ít hơn, mật độ dân cư thưa, mặt đường chỉ bị rạn nứt, một số vị trí xuất hiện ổ gà, bong tróc, tiến hành vá ổ gà, sửa chữa lề đường và khơi thông rãnh dọc, với khối lượng cụ thể như sau :

+ Mặt đường tại các vị trí ổ gà: Tiến hành bù vênh, vá ổ gà bằng cấp phối đá dăm loại 1, tưới nhựa thấm bảm 1,0kg/m<sup>2</sup> và láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m<sup>2</sup>.

+ Mặt đường tại các vị trí nứt mai rùa, bong bật: Láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn nhựa 3,0kg/m<sup>2</sup>.

+ Mặt đường BTXM: Giữ nguyên theo hiện trạng.

### 3. Đường tỉnh 15B đoạn Km4+470-Km6+300 :

Hiện trạng mặt đường cũ là đá dăm láng nhựa, lưu lượng xe lưu thông ít : phương án sửa chữa như sau : các vị trí ổ gà, bong tróc mặt đường : Vá ổ gà bằng cấp phối đá dăm loại 1; tưới nhựa thấm bảm 1,0 kg/m<sup>2</sup>; láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm tiêu chuẩn nhựa 3,0kg/m<sup>2</sup>.

### 4. Đường TL17 đoạn Km8+700 – Km10+600

Trừ đoạn đã được thiết kế hoàn trả trong dự án Km9+300 – Km9+720. Các đoạn còn lại cơ bản đã bị hư hỏng toàn bộ, phương án hoàn trả trên quan điểm hạn chế tối đa việc nâng cao độ đường đỡ so với hiện trạng, sửa chữa các vị trí hư hỏng, xử lý nền bằng CPĐD và láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m<sup>2</sup> .

### 5. Đường TL11B:

+ Từ Km0 – Km0+600: Mặt đường BTN còn tốt, xuất hiện cục bộ một số vị trí bị rạn nứt, phương án hoàn trả : xử lý cục bộ và thảm tăng cường thêm 01 lớp Bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm .

+ Từ Km0+600 – Km11+800 (trừ các đoạn mặt đường BTXM) : Cơ bản đã bị hư hỏng toàn bộ, phương án hoàn trả : trên quan điểm hạn chế tối đa việc nâng cao độ của đường đỡ so với hiện trạng (qua khu đông dân cư), sửa chữa các vị trí hư hỏng, bù vênh mặt đường bằng đá dăm đen hoặc cấp phối đá dăm và thảm lại mặt đường bằng 1 lớp Bê tông nhựa chặt 12.5 dày 7cm.

### B. Tuyến đường xin ý kiến phương án hoàn trả

#### 1. Đường tỉnh 9 :

##### a. Mặt cắt hiện trạng của tuyến đường :

+ Km7+00 – Km7+970 : mặt đường Bê tông nhựa hai làn xe, bề rộng mặt đường (8x2)m

+ Km7+970 – Km12+300 mặt đường Bê tông nhựa, bề rộng mặt 7m

+ Km12+300 – Km16+500 mặt đường láng nhựa bề rộng mặt 3,5m

+ Km16+500 – Km18+600 mặt đường BTN, bề rộng mặt 5,5m.

##### b. Hiện trạng mặt đường:

- Km7+00 – Km7+200: Phía trái tuyến xuất hiện rạn nứt, ổ gà.

- Km7+200 – Km800 : Mặt đường mới được Ban ĐTXD Khu vực huyện Phong Điền nâng cấp (còn tốt).

- Km8+00 – Km11+00: Mặt đường hư hỏng nặng.

- Km11+00 – Km12+300: Xuất hiện rạn nứt mặt đường nhiều.

- Km12+300 – Km15+900: Hư hỏng rất nặng.

(- Km15+900 – Km16+950 : Có rạn nứt mặt đường, tuy nhiên đoạn được hoàn trả lại theo thiết kế của dự án cao tốc)

- Km16+950 – Km18+600: Xuất hiện cục bộ các vị trí rạn nứt mặt đường, ổ gà.

Đây là tuyến đường kết nối với Cao tốc, phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu cho các nhà máy và mỏ đất, lưu lượng xe tải nặng lớn.

Vì vậy, Sở GTVT kính đề nghị UBND Tỉnh một số nội dung như sau :

- Đối với đường Tỉnh 9 : có văn bản gửi Bộ GTVT xin đầu tư nâng cấp, cải tạo với kết cấu đảm bảo cho các loại xe tải nặng, đối với các đoạn bề rộng mặt đường 3,5 – 5,5m đề nghị mở rộng nền mặt đường đảm bảo mặt cắt (7+2x1)m. Trường hợp kinh phí hạn hẹp, Sở GTVT đề nghị chỉ nâng cấp đoạn Km12+300 – Km15+900 (đoạn có bề rộng nền 3,5m).

- Đối với các tuyến đường đã thống nhất phương án hoàn trả : có văn bản yêu cầu Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh khẩn trương triển khai thực hiện nhằm đảm bảo ATGT phục vụ cho bà con nhân dân trong dịp Tết Dương lịch và tết Nguyên Đán 2023.

Trên đây báo cáo của Sở GTVT, kính mong UBND Tỉnh xem xét chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Giao thông vận tải (để biết);
- Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh;
- Ban ATGT Tỉnh;
- UBND thành phố Huế;
- UBND thị xã Hương Trà, Hương Thủy;
- UBND các huyện Phong Điền, Phú Lộc;
- Công an thị xã Hương Trà, Hương Thủy;
- Công an thành phố Huế;
- Công an các huyện Phong Điền, Phú Lộc;
- Lưu VT, AT&QLGT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Công Diễn**

**PHỤ LỤC : CÁC ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG TỈNH BÀN GIAO CHO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH LÀM ĐƯỜNG CÔNG VỤ**

(Kèm theo Công văn số : 2215 /SGTVT-AT&QLGT ngày 19 tháng 12 năm 2022)

**1. Danh mục đoạn tuyến làm đường đường công vụ:**

STT	Tên tuyến	Lý trình		Chiều dài (km)
		Từ Km	Đến Km	
1	Đường tỉnh 25 (nhánh 2)	Km0+150	Km0+220	0,07
		Km4+590	Km4+890	0,30
2	Đường Tỉnh 11B	Km0+00	Km11+800	11,80
3	Đường tỉnh 7	Km3+450	Km7+650	4,20
4	Đường Tỉnh 15	Km1+800	Km7+808	6,01
5	Đường Tỉnh 15B	Km4+470	Km6+300	1,83
6	Đường Tỉnh 9	Km7+00	Km15+900	8,90
		Km16+950	Km18+700	1,75
7	Đường Tỉnh 17	Km8+800	Km10+600	1,80
8	Đường Tỉnh 12B	Km9+100	Km9+400	0,30
	<b>Tổng cộng</b>			<b>36,96</b>

**2. Danh mục các đoạn tuyến bàn giao để thi công các điểm giao cắt với đường Tỉnh :**

STT	Tên tuyến	Lý trình		Chiều dài (km)
		Từ Km	Đến Km	
1	Đường tỉnh 7	Km7+250	Km7+300	0,05
2	Đường Tỉnh 15	Km7+980	Km8+030	0,05
3	Đường Tỉnh 25	Km4+615	Km4+665	0,05
4	Đường Tỉnh 9	Km15+900	Km16+950	1,05
5	Đường tỉnh 11B	Km15+020	Km17+972	2,952
6	Đường Tỉnh 17	Km9+055	Km10+080	1,025
7	Đường Tỉnh 15B	Km7+150	Km7+200	0,05
8	Đường tỉnh 16	Km5+500	Km5+800	0,3
9	Đường tỉnh 16 nhánh 1	Km0+500	Km0+700	0,2
	<b>Tổng cộng</b>			<b>5,727</b>